

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/KDTM-ST

Ngày: 11- 9-2023

*“V/v tranh chấp yêu cầu tuyên vô hiệu văn
bản thỏa thuận góp vốn, bàn giao tài sản
giữa các thành viên trong công ty”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hồng Ánh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Sinh.

Bà Trần Thị Kim Thủy.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Phan Hải - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh: bà Nguyễn Thị Cúc Phương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 31 tháng 8 và 11 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường xét xử số 4, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 08/2022/TLST-KDTM ngày 21/12/2022 về *“Tranh chấp yêu cầu tuyên vô hiệu văn bản thỏa thuận góp vốn, bàn giao tài sản giữa các thành viên trong công ty”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 83/2023/QĐXXST-KDTM ngày 09/8/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 111/2023/QĐST-KDTM ngày 31/8/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Đỗ Hồng T; địa chỉ nơi đăng ký HKTT: Xóm 2, thôn B, xã T2, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Tạm trú: khu 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: bà Nguyễn Thị V và ông Phạm Đình V1, đều là luật sư của Công ty Luật TNHH VL; cùng địa chỉ liên hệ: số 105 N, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Có mặt bà Nguyễn Thị V, vắng mặt ông Phạm Đình V1.

- Bị đơn: ông Đào Trọng T1; địa chỉ: khu 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Quảng Ninh. Người đại diện theo ủy quyền: bà Quách Thị Quỳnh M và bà Mạc Thanh T3; cùng địa chỉ: số 11, lô A10 Monbay, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. (Giấy ủy quyền lập tại văn phòng công chứng K thành phố Móng Cái ngày 10/01/2023). Có mặt bà Quách Thị Quỳnh M và bà Mạc Thanh T3.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Văn phòng công chứng V2, địa chỉ: khu 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Quảng Ninh. Người đại diện theo pháp luật: bà V2 - Trưởng văn phòng công chứng, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng:
- + Công ty TNHH đầu tư xây dựng và vận tải C; địa chỉ trụ sở: khu 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Quảng Ninh. Người đại diện theo pháp luật: ông Đỗ Hồng T - Giám đốc Công ty, có mặt.
- + Chị Lê Thị Hồng L, địa chỉ: Thôn B, xã T2, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, vắng mặt.
- + Anh Nguyễn Hữu D, địa chỉ: xóm 5, xã T4, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, được bổ sung bằng các lời khai tiếp theo, nguyên đơn trình bày:

Khoảng tháng 5/2020, ông Đỗ Hồng T và ông Đào Trọng T1 cùng thỏa thuận đóng mới 01 (một) phương tiện thủy nội địa để hoạt động kinh doanh. Từ chủ trương đó, ông T và ông T1 đã thành lập Công ty TNHH đầu tư xây dựng và vận tải C (sau đây gọi tắt là Công ty C), được Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và đầu tư Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 570259490 ngày 24/9/2020, với vốn Điều lệ 5.000.000.000đ. Theo tỷ lệ góp vốn được đăng ký ông T và ông T1 mỗi người góp 50% vốn Điều lệ. Việc góp vốn Điều lệ được các thành viên công ty thực hiện thông qua hình thức chuyển khoản vào tài khoản công ty và một phần tiền mặt công ty nhận trực tiếp. Việc góp vốn diễn ra kể từ ngày thành lập Công ty (24/9/2020) và song song với quá trình đóng mới phương tiện thủy nội địa tàu TL biển số QN-79xx cho đến ngày 21/9/2021, các thành viên thống nhất thay đổi lại tỷ lệ góp vốn, cụ thể: ông Đào Trọng T1 góp 57%, ông Đỗ Hồng T góp 43%. Việc thay đổi tỷ lệ vốn góp đã được thông báo tới Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch đầu tư Quảng Ninh; được Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch đầu tư Quảng Ninh chấp thuận và cấp Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ nhất vào ngày 21/9/2021.

Theo Điều lệ Công ty, thành viên góp vốn gồm có ông Đỗ Hồng T và ông Đào Trọng T1. Ông Đỗ Hồng T giữ chức vụ Giám đốc công ty, là người đại diện theo pháp luật của Công ty; ông Đào Trọng T1 là thành viên Công ty.

Ngày 18/10/2021 ông T và ông T1 thỏa thuận tăng vốn Điều lệ công ty, ông T góp thêm vốn bằng tài sản của mình là 04 xe ô tô, gồm: 01 (một) xe ô tô BKS 17C-129.xx theo Giấy đăng ký xe số 030488 tên chủ xe Đỗ Hồng T; 01 (một) xe ô tô BKS 17C-059.xx theo Giấy đăng ký xe số 004543 tên chủ xe Đỗ Hồng T; 01 (một) xe ô tô BKS 17C-072.xx theo Giấy đăng ký xe số 008239 tên chủ xe Đỗ Hồng T; 01 (một) xe ô tô BKS 17H-003.xx theo Giấy đăng ký xe số 002536 tên chủ xe Nguyễn Hữu D. Văn bản thỏa thuận góp thêm vốn nêu trên được các bên ký tại Văn phòng công chứng V2 ngày 18/10/2021, số công chứng 385 Quyển số 01/2021-TP/CC-SCC/HĐGD.

Tại mục 2 của Văn bản thỏa thuận ngày 18/10/2021 nêu trên, ông T và ông T1 còn thỏa thuận thêm nội dung: ông Đào Trọng T1 đồng ý cho thuê và ông Đỗ Hồng T đồng

ý thuê toàn bộ tài sản thuộc phần vốn góp của ông Đào Trọng T1 tại Công ty TNHH đầu tư xây dựng và vận tải C (Toàn bộ tài sản: 01 (một) phương tiện thủy nội địa tàu TL biển số QN-79xx, 01 (một) xe ô tô BKS 17C-129.xx, 01 (một) xe ô tô BKS 17C-059.xx, 01 (một) xe ô tô BKS 17C-072.xx, 01 xe ô tô BKS 17H-003.xx). Thời hạn thuê là 01 năm bắt đầu từ ngày 09/9/2021 và kết thúc vào ngày 09/9/2022; giá thuê toàn bộ phần tài sản trên là 73.000.000đ/1 tháng; thời hạn thanh toán 03 tháng/01 lần vào ngày đầu tiên của mỗi kỳ thanh toán; phương thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Sau khi hai bên ký kết văn bản thỏa thuận ngày 18/10/2021, rà soát lại các quy định pháp luật, ông T thấy không hợp lý, giữa ông T và ông T1 không thống nhất được việc góp vốn để tăng vốn Điều lệ của Công ty C, nên chưa thực hiện thủ tục tăng vốn Điều lệ và chuyển quyền sở hữu 04 (bốn) xe ô tô nêu trên sang tên Công ty. Sau đó ông T đã nhiều lần yêu cầu ông T1 tới Văn phòng công chứng V2 để hủy bỏ văn bản thỏa thuận công chứng số công chứng 385 Quyền số 01/2021-TP/CC-SCC/HĐGD, nhưng ông T1 đều từ chối.

Cuối năm 2021 phương tiện tàu TL BKS QN-79xx được đưa vào neo đậu tại Âu cảng hậu cần nghề cá huyện C, địa chỉ khu 4, thị trấn C, huyện C theo Hợp đồng gửi giữ giữa Công ty TNHH vận tải C và Công ty TNHH vận tải K. Người lao động tại Công ty C được cho về quê sớm chuẩn bị đón Tết nguyên đán. Nhà ông T1 cách vị trí neo đậu của tàu TL 800m, thuận tiện cho việc tiếp cận trông coi. Ông T1 cho rằng tàu TL và 04 xe ô tô nêu trên là tài sản của Công ty, nên ngày 05/01/2022 ông T1 ký hợp đồng không xác định thời hạn với ông Hoàng Văn Long sinh năm 1968, trú tại thôn 1, xã Hạ Long, huyện Vân Đồn và một số lao động khác tự ý chiếm giữ tàu TL và 04 xe ô tô nêu trên. Ông T là người đại diện theo pháp luật của Công ty đã nhiều lần yêu cầu ông T1 trả lại tàu cho công ty và trả lại 04 xe ô tô cho ông T, nhưng ông T1 đều không thực hiện. Ông T đã làm đơn tố cáo lên Công an huyện C, Công an huyện Thái Thụy, đề nghị giải quyết yêu cầu ông T1 trả lại tài sản cho Công ty và cho cá nhân ông T. Ngày 08/7 và ngày 18/7/2022 ông T1 có Thông báo đề nghị ông T là người đại diện theo pháp luật của Công ty đến Âu cảng hậu cần nghề cá tại C và ngày 28/7/2022 để tiếp nhận các tài sản trên và cùng ông T1 bố trí trông coi, quản lý an toàn. Tuy nhiên, vào đúng ngày ông T1 hẹn bàn giao, ông T cùng ông Đỗ Hữu H – phó giám đốc Công ty và ông Trần Ngọc T5 – Thừa phát lại đến Âu cảng hậu cần nghề cá huyện C để tiếp nhận các tài sản trên, nhưng ông T1 không bàn giao. Cũng tại đây ông T1 đưa ra thêm yêu sách cấm vĩnh viễn việc đưa phương tiện của Công ty vào hoạt động kinh doanh, chỉ cắt cử người trông coi. Sự việc không bàn giao tài sản này, ông Trần Ngọc T5 đã lập vi bằng ghi nhận lại sự việc.

Được sự vào cuộc, giúp đỡ của các cơ quan có thẩm quyền, ngày 05/01/2023 ông T1 mới trả lại ông T 04 xe ô tô, còn Tàu TL ông T1 vẫn chiếm giữ.

Vì vậy, ông Đỗ Hồng T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung sau:

- Tuyên hủy nội dung góp vốn của các thành viên vào Công ty C tại mục 1 Văn bản thỏa thuận số công chứng 385 quyền số 01/2021-TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng V2 công chứng ngày 18/10/2021.

- Tuyên hủy nội dung thỏa thuận thuê tài sản tại mục 2 Văn bản thỏa thuận số công chứng 385 quyền số 01/2021-TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng V2 công chứng ngày 18/10/2021.

- Tuyên vô hiệu Văn bản thỏa thuận số công chứng 385 quyền số 01/2021-TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng V2 công chứng ngày 18/10/2021.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút lại yêu cầu tuyên hủy nội dung góp vốn của các thành viên vào Công ty C tại mục 1, và tuyên hủy nội dung thỏa thuận thuê tài sản tại mục 2 Văn bản thỏa thuận số công chứng 385 quyền số 01/2021-TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng V2 công chứng ngày 18/10/2021. Giữa nguyên yêu cầu tuyên vô hiệu Văn bản thỏa thuận số công chứng 385 quyền số 01/2021-TP/CC-SCC/HĐGD; trong đó có tuyên vô hiệu nội dung góp vốn của các thành viên vào Công ty C tại mục 1, và tuyên vô hiệu nội dung thỏa thuận thuê tài sản tại mục 2 Văn bản thỏa thuận số công chứng 385 quyền số 01/2021-TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng V2 công chứng ngày 18/10/2021.

Tại bản tự khai ngày 11/01/2023, được bổ sung bằng các lời khai tiếp theo, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Xác nhận tháng 9/2020 ông Đào Trọng T1 cùng ông Đỗ Hồng T góp vốn thành lập Công ty TNHH đầu tư xây dựng và vận tải C, được Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch đầu tư Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 24/9/2020, mã số doanh nghiệp: 5702059490, số vốn Điều lệ 5.000.000.000đ. Theo thỏa thuận ông T1 và ông T mỗi bên góp 50% vốn Điều lệ. Tuy nhiên, thực tế ông T1 thực hiện vốn góp như sau:

- Gửi tiền 1.116.439.186 đ vào tài khoản ngân hàng số tài khoản của ông T 3408205177736 tại Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam (trong đó có 800.000.000đ ông T1 vay từ Ngân hàng A chi nhánh huyện C và giải ngân vào tài khoản của ông T tại ngân hàng A – có sổ phụ tài khoản tiền gửi của ông T1, Hợp đồng tín dụng số 8013LAV202100100 ngày 26/3/2021).

- Gửi 2.300.030.000đ vào tài khoản 0520101228669 của Công ty TNHH đầu tư xây dựng và vận tải C tại Ngân hàng H1).

- Ngày 07/10/2020 ông T1 chuyển khoản 100.000.000 đ đặt cọc mua máy (có giấy nộp tiền tại ngân hàng A).

- Ngày 13/11/2020 ông T1 đặt cọc 740.000.000đ mua tôn đóng tàu cho Công ty TNHH MTV CK vận tải và TM M1 (có phiếu thu).

- Ngày 16/11/2020 ông T1 chuyển khoản 100.000.000đ mua ống thép đóng tàu (có sổ phụ tài khoản tiền gửi của ông T1).

- Ngày 26/11/2020 ông T1 chuyển khoản 40.000.000đ đặt cọc mua chân vịt (có sổ phụ tài khoản tiền gửi của ông T1).

- Ngày 30/11/2020 ông T1 chuyển khoản 80.000.000đ đặt cọc tiền trúc, ống bao và bánh lái tàu (có giấy ủy nhiệm chi tại ngân hàng A).

- Ngày 30/11/2020 ông T1 chuyển khoản 40.000.000đ đặt cọc tiền mua cửa và tu đàm (có giấy ủy nhiệm chi tại ngân hàng A).

- Ngày 04/12/2020 ông T1 chuyển khoản 100.000.000đ đặt cọc tiền neo toi xích đóng tàu (có sổ phụ tài khoản tiền gửi của ông T1).

- Ngày 10/12/2020 ông T1 chuyển khoản 40.000.000đ tiền đặt cọc máy lái thủy lực (có sổ phụ tài khoản tiền gửi của ông T1).

- Ngày 06/02/2021 ông T1 chuyển khoản 200.000.000đ đặt cọc tiền cọc đóng tàu.

Tổng cộng 4.856.469.186đ (Bốn tỷ, tám trăm năm mươi sáu triệu, bốn trăm sáu mươi chín nghìn, một trăm tám mươi sáu đồng).

Ông T góp vốn bằng 03 phương tiện gồm: 01 (một) xe ô tô BKS 17C-129.xx, 01 (một) xe ô tô BKS 17C-059.xx, 01 (một) xe ô tô BKS 17C-072.xx. Ba xe ô tô này được quy đổi thành tiền mặt là 2.150.000.000đ tương đương với 43% vốn Điều lệ. Trên thực tế Công ty chưa làm thủ tục chuyển quyền sở hữu 03 xe ô tô này sang tên chủ sở hữu là Công ty, tuy nhiên đã đưa 03 xe ô tô trên vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

Vì lý do 03 (ba) xe ô tô ông T góp vốn chưa đủ số vốn Điều lệ đã cam kết, ông T1 đã góp thừa số vốn Điều lệ, nên tháng 9/2021 ông T chuyển nhượng 07% tổng số vốn góp của mình cho ông T1 với trị giá 350.000.000đ. Tỷ lệ vốn góp được thay đổi thành ông T1 góp 57% vốn Điều lệ, ông T góp 43% vốn Điều lệ. Việc thay đổi tỷ lệ vốn góp được Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Quảng Ninh ghi nhận vào ngày 21/9/2021.

Ngày 18/10/2021 tại Văn phòng công chứng V2, ông T1 và ông T đã ký văn bản thỏa thuận số công chứng 385 quyền số 01/2021-TP/CC-SCC/HĐGD; về việc ông T thuê toàn bộ tài sản có phần vốn góp của ông T1 kể từ ngày 09/9/2021 tới 09/9/2022 với giá thuê 73.000.000đ/01 tháng, thanh toán 03 tháng một lần. Tuy nhiên đến ngày 11/12/2021, ông T không muốn thuê nữa và giao lại tài sản cho Công ty quản lý với lý do làm ăn khó khăn, không có lãi.

Ông T cho rằng thời điểm góp vốn để thành lập Công ty, ông T góp vốn bằng hình thức chuyển khoản và tiền mặt vào Công ty, và việc lập văn bản thỏa thuận số công chứng 385 Quyền số 01/2021-TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng V2 với mục đích tăng vốn điều lệ bằng việc ông T góp 04 xe ô tô gồm: 01 (một) xe ô tô BKS 17C-129.xx, 01 (một) xe ô tô BKS 17C-059.xx, 01 (một) xe ô tô BKS 17C-072.xx, 01 (một) xe ô tô BKS 17H-003.xx là không đúng. Bởi lẽ:

- Thứ nhất, ông T góp vốn lần đầu để thành lập Công ty bằng 03 xe ô tô và được quy đổi ra thành tiền như đã nêu trên.

- Thứ hai, Văn bản thỏa thuận số công chứng 385 quyền số 01/2021-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/10/2021 với hai nội dung; (i) ghi nhận lại tình hình góp vốn của Công ty đã được đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh tại Sở kế hoạch đầu tư, và ghi nhận những tài sản của Công ty do các thành viên thỏa thuận góp vốn hiện có. (ii) thỏa thuận việc thuê phần vốn góp giữa ông T1 và ông T. Như vậy, tại Văn bản thỏa thuận ngày 18/10/2021 chỉ ghi nhận duy nhất một thỏa thuận mới mà các bên thực hiện trong tương lai là thuê phần vốn góp.

- Thứ ba; giữa ông T1 và ông T không có bất kỳ thỏa thuận nào về việc tăng vốn điều lệ như ông T trình bày trong đơn khởi kiện.

Tại phiên tòa bị đơn có quan điểm đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn về việc tuyên vô hiệu nội dung thỏa thuận thuê tài sản tại mục 2 Văn bản thỏa thuận số công chứng 385 quyền số 01/2021-TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng V2 công chứng ngày 18/10/2021. Đối yêu cầu của nguyên đơn về việc tuyên vô hiệu nội dung góp vốn của các thành viên vào Công ty C tại mục 1 Văn bản thỏa thuận số công chứng 385 quyền số 01/2021-TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng V2 công chứng ngày 18/10/2021, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản khai ngày 22/02/2023, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Văn phòng công chứng V2 khai như sau:

Ngày 18/10/2021 ông Đỗ Hồng T và ông Đào Trọng T1 đến trụ sở Văn phòng công chứng V2 địa chỉ: khu 2, thị trấn C, huyện C để đề nghị công chứng văn bản thỏa thuận giữa hai bên. Các bên đã trình bày những nội dung sau:

1. Ông Đào Trọng T1 và ông Đỗ Hồng T ghi nhận việc đã góp vốn thành lập Công ty TNHH đầu tư xây dựng và vận tải C. Tỷ lệ góp vốn của các thành viên là: ông Đào Trọng T1 góp 57%, ông Đỗ Hồng T góp 43% tổng vốn Điều lệ Công ty. Tài sản do ông T1 và ông T thỏa thuận đưa vào Công ty thành tài sản góp vốn gồm có: 01 phương tiện thủy nội địa, 01 (một) xe ô tô BKS 17C-129.xx, 01 (một) xe ô tô BKS 17C-059.xx, 01 (một) xe ô tô BKS 17C-072.xx. Ngoài ra hai bên còn cùng góp vốn để mua 01 (một) xe ô tô BKS 17H-003.xx.

2. Hai bên thống nhất về khoản thuế được phép khấu trừ của mỗi bên trong quá trình hoạt động của Công ty.

3. Ông Đào Trọng T1 đồng ý cho thuê và ông Đỗ Hồng T đồng ý thuê toàn bộ tài sản thuộc phần vốn góp của ông Đào Trọng T1 tại Công ty TNHH đầu tư xây dựng và vận tải C theo giá thỏa thuận do các bên tự thỏa thuận.

Sau khi kiểm tra hồ sơ mà các bên cung cấp, xét thấy thỏa thuận của các bên là không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, hồ sơ giấy tờ mà các bên cung cấp là đầy đủ và có cơ sở để ghi nhận sự thỏa thuận của các bên, nên công chứng viên đã soạn thảo văn bản theo nội dung mà các bên đã trình bày, việc công chứng được tiến hành theo đúng quy định, Văn phòng công chứng đã phát hành Văn bản công chứng số 385 Quyền số 01/2021-TP/CC-SCC/HĐGD cùng ngày.

Nay ông Đỗ Hồng T yêu cầu Tòa án tuyên hủy văn bản thỏa thuận về tài sản và tỷ lệ góp vốn vào công ty giữa ông Đỗ Hồng T và ông Đào Trọng T1. Sau khi nghiên cứu lại hồ sơ công chứng và các quy định của pháp luật hiện hành, tôi nhận thấy việc các bên thỏa thuận nội dung: ông Đào Trọng Trung đồng ý cho thuê và ông Đỗ Hồng T đồng ý thuê toàn bộ tài sản thuộc phần vốn góp của ông Đào Trọng T1 tại Công ty TNHH đầu tư xây dựng và vận tải C là không đúng với quy định của Luật doanh nghiệp. Tại các Điều 51, 52, 53 Luật doanh nghiệp 2020 chỉ quy định các nội dung về mua lại/chuyển nhượng/ thừa kế/tặng cho phần vốn góp của các thành viên Công ty TNHH, không có quy định nào về việc các thành viên được thuê/cho thuê tài sản thuộc phần vốn góp tại Công ty. Vì vậy Văn phòng công chứng V2 đề nghị Tòa án tuyên vô hiệu đối với nội dung thỏa thuận về việc cho thuê này, các nội dung khác trong Văn bản thỏa thuận số công chứng 385 quyền số 01/2021-TP/CC-SCC/HĐGD vẫn giữ nguyên hiệu lực.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Công ty TNHH đầu tư xây dựng và vận tải C – người đại diện theo pháp luật ông Đỗ Hồng T trình bày:

Công ty TNHH đầu tư xây dựng và vận tải C yêu cầu ông Đào Trọng T1 chấm dứt hành vi vi phạm; phải hoàn trả Công ty C phương tiện thủy nội địa TL 189 mang biển hiệu QN – 79xx. Yêu cầu ông Đào Trọng T1 phải bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra bao gồm:

- 410.000.000 đồng chi phí trả lương cho công nhân đã ký hợp đồng làm việc trên tàu (gồm 01 thuyền trưởng, 01 máy trưởng và 02 thủy thủ) trong khoảng thời gian phương tiện thủy TL bị ông T1 chiếm giữ trái phép không đưa vào khai thác.

- Khấu hao tài sản phương tiện thủy nội địa TL 189 mang biển hiệu QN – 79xx, tạm tính đến ngày khởi kiện là 500.000.000đ.

- + Thiệt hại do không khai thác, không có doanh thu trong thời gian phương tiện thủy nội địa TL 189 mang biển hiệu QN – 79xx bị chiếm giữ trái phép, tạm tính là 1.000.000.000 đồng.

- Chi phí liên quan đến việc sửa chữa phương tiện thủy nội địa TL 189 mang biển hiệu QN – 79xx bao gồm: Leo mũi, dây buộc tàu, hộp đen, máy phát điện....tạm tính đến ngày khởi kiện là 254.000.000 đồng.

- Chi phí tiến hành đăng kiểm lại phương tiện thủy nội địa TL 189 mang biển hiệu QN – 79xx (do chiếm giữ trái phép dẫn đến việc quá thời hạn đăng kiểm theo quy định), bao gồm: kiểm tra phao cứu sinh, kiểm tra cứu hỏa, lệ phí nộp Nhà nước, giấy phép đài tàu, di chuyển tàu đến địa điểm, hệ thống H1, lệ phí ngoài.....tạm tính là 200.000.000 đồng.

Tổng số tiền bồi thường là 2.364.000.000 đồng (Hai tỷ ba trăm sáu mươi bốn triệu đồng).

Ngày 19/7/2023, ông Đỗ Hồng T có đơn xin rút lại một phần yêu cầu độc lập gồm:

- Yêu cầu bồi thường 410.000.000 đồng chi phí trả lương cho công nhân đã ký hợp đồng làm việc trên tàu (gồm 01 thuyền trưởng, 01 máy trưởng và 02 thủy thủ) trong khoảng thời gian phương tiện thủy TL bị ông T1 chiếm giữ trái phép không đưa vào khai thác.

- Yêu cầu bồi thường 254.000.000 đồng về chi phí liên quan đến việc sửa chữa phương tiện thủy nội địa TL 189 mang biển hiệu QN – 79xx bao gồm: Leo mũi, dây buộc tàu, hộp đen, máy phát điện.

- Yêu cầu bồi thường 200.000.000đ về chi phí tiến hành đăng kiểm lại phương tiện thủy nội địa TL 189 mang biển hiệu QN – 79xx (do chiếm giữ trái phép dẫn đến việc quá thời hạn đăng kiểm theo quy định), bao gồm: Kiểm tra phao cứu sinh, kiểm tra cứu hỏa, lệ phí nộp Nhà nước, giấy phép đài tàu, di chuyển tàu đến địa điểm, hệ thống H1, lệ phí ngoài.

- Rút một phần yêu cầu về nội dung: “khấu hao tài sản với phương tiện thủy nội địa TL 189 mang số hiệu QN-79xx, tạm tính đến ngày khởi kiện là 500.000.000 đồng”; và yêu cầu “khấu hao tài sản với phương tiện thủy nội địa TL 189 mang số hiệu QN-79xx là: 250.000.000 đồng”.

- Rút một phần yêu cầu về nội dung: “Những thiệt hại do không khai thác, không có doanh thu trong thời gian phương tiện thủy nội địa TL 189 mang biển hiệu QN – 79xx bị chiếm giữ trái phép, tạm tính là 1.000.000.000 đồng”; và yêu cầu “Thiệt hại do không khai thác, không có doanh thu trong thời gian phương tiện thủy nội địa TL 189 mang biển hiệu QN – 79xx bị chiếm giữ trái phép, tạm tính là 500.000.000 đồng”.

Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH đầu tư xây dựng và vận tải C: ông Đỗ Hồng T có quan điểm xin rút lại toàn bộ yêu cầu buộc ông Đào Trọng Trung bồi thường thiệt hại cho Công ty C, giữ nguyên yêu cầu ông Đào Trọng T1 phải trả lại Công ty C 01 (một) phương tiện thủy nội địa tàu TL 189 mang biển hiệu QN – 79xx, và giấy tờ pháp lý của tàu TL.

Người làm chứng ông Nguyễn Hữu D trình bày: tháng 4/2021 ông Dương cùng ông T1, ông T thỏa thuận cùng nhau góp vốn góp vốn mua chung 01 (một) chiếc xe ô tô tải BKS 17H-003.xx giá 1.000.000.000 đồng. Trong đó ông Dương góp tiền mặt 333.000.000 đồng, còn ông T1 và ông T không có tiền mặt nên hai người đã thỏa thuận vay vốn ngân hàng để mua xe dưới hình thức trả góp, hàng tháng trả ngân hàng bao nhiêu tiền thì ông T1 và ông T mỗi người bỏ ra một nửa trả cho ngân hàng, ông Dương góp vốn bằng tiền mặt nên không phải trả ngân hàng hàng tháng. Ông Dương là người đứng tên đăng ký chủ sở hữu xe, là người trực tiếp quản lý sử dụng và đưa xe ô tô vào kinh doanh vận tải. Tiền lợi nhuận hàng tháng chia đều 03 (ba) phần bằng nhau. Đến khoảng tháng 12/2021 thì ông T không trả tiền gốc và lãi ngân hàng, vì vậy ông T1 đã trả tiền ngân hàng cả phần của ông T. Cũng từ tháng 12/2021 tiền lợi nhuận hàng tháng ông Dương chia cho ông T1 hai phần, còn ông Dương một phần. Ông Dương khẳng

định chiếc xe ô tô BKS 17H-003.xx không liên quan gì đến Công ty C, ông Dương chưa bao giờ thỏa thuận với ông T1 và ông T đưa xe ô tô trên góp vốn vào Công ty C.

Người làm chứng chị Lê Thị Hồng L trình bày: chị L kết hôn cùng anh Đỗ Hồng T ngày 15/01/2009. Trong thời kỳ hôn nhân, tài sản chung vợ chồng tạo dựng được gồm có: 01 (một) xe ô tô BKS 17C-129.xx, 01 (một) xe ô tô BKS 17C-059.xx, 01 (một) xe ô tô BKS 17C-072.xx; cả 03 xe ô tô đều đăng ký tên chủ xe Đỗ Hồng T. Khoảng tháng 5/2020 chị L có được biết anh Thụy và anh Trung có bàn bạc về việc đóng mới 01 phương tiện thủy nội địa để hoạt động kinh doanh và cùng nhau thành lập ra Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và vận tải C. Sau đó chị L nghe anh Thụy nói không đủ khả năng tài chính để góp vốn nên cả hai thống nhất thay đổi lại vốn Điều lệ. Chị L không biết, chưa bao giờ nghe thấy nói 03 chiếc xe ô tô là tài sản chung của vợ chồng chị góp vốn vào Công ty C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng các thủ tục tố tụng; các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 117, Điều 123 Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị tuyên vô hiệu Văn bản thỏa thuận số công chứng 385 quyền số 01/2021-TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng V2 công chứng ngày 18/10/2021. Đối với yêu cầu độc lập của Công ty TNHH đầu tư xây dựng và vận tải C: tại phiên tòa các đương sự đều khai xác nhận là tranh chấp giữa hai thành viên góp vốn của Công ty với nhau, không có tranh chấp giữa công ty với thành viên góp vốn của công ty, vì vậy không liên quan đến quyền và nghĩa vụ của Công ty C. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 30, Điều 37, Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử yêu cầu độc lập của Công ty TNHH đầu tư xây dựng và vận tải C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu tuyên vô hiệu văn bản thỏa thuận vốn góp, cho thuê phần vốn góp giữa các thành viên trong công ty TNHH đầu tư xây dựng và vận tải C nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là tranh chấp giữa các thành viên Công ty với nhau theo quy định tại khoản 4 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Tại phiên tòa ông Đỗ Hồng T, ông Đào Trọng T1 đều khai nhận chị Lê Thị Hồng L và anh Nguyễn Hữu D không phải là thành viên góp vốn trong Công ty TNHH đầu tư xây dựng và vận tải C; chị L và anh D cũng có bản khai xác nhận không tham gia góp

vốn vào Công ty TNHH đầu tư xây dựng và vận tải C. Vì vậy, quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án xác định chị L và anh D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là không đúng với quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xác định lại tư cách của chị L và anh D là người làm chứng trong vụ án.

[2] Về nội dung khởi kiện:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 16/12/2022 (BL số 31), được bổ sung bằng các lời khai tiếp theo, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: tuyên hủy nội dung thỏa thuận góp vốn của các thành viên vào Công ty C tại Mục 1 Văn bản thỏa thuận số công chứng 385 Quyền số 01/2021-TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng Công chứng V2 công chứng ngày 18/10/2021; tuyên hủy nội dung thỏa thuận cho thuê tài sản là phần vốn góp tại Mục 2 Văn bản thỏa thuận số công chứng 385 quyền số 01/2021-TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng Công chứng V2 công chứng ngày 18/10/2021; tuyên vô hiệu Văn bản thỏa thuận số công chứng 385 quyền số 01/2021-TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng Công chứng V2 công chứng ngày 18/10/2021.

Tại phiên tòa nguyên đơn rút lại yêu cầu tuyên hủy nội dung góp vốn của các thành viên vào Công ty C tại mục 1, và tuyên hủy nội dung thỏa thuận thuê tài sản tại mục 2 Văn bản thỏa thuận số công chứng 385 quyền số 01/2021-TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng V2 công chứng ngày 18/10/2021. Xét thấy việc rút lại 02 yêu cầu nêu trên của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, nên có cơ sở chấp nhận. Cần đình chỉ xét xử đối với 02 yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút tại phiên tòa nêu trên.

Đối với yêu cầu tuyên vô hiệu Văn bản thỏa thuận số công chứng 385 Quyền số 01/2021-TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng Công chứng V2 công chứng ngày 18/10/2021:

Tại phiên tòa, bị đơn có quan điểm đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tuyên vô hiệu nội dung thỏa thuận thuê tài sản là phần vốn góp tại mục 2 Văn bản thỏa thuận số công chứng 385 Quyền số 01/2021-TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng V2 công chứng ngày 18/10/2021. Xét thấy các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về giải quyết tranh chấp đối với yêu cầu tuyên vô hiệu nội dung thỏa thuận thuê tài sản là phần vốn góp tại mục 2 Văn bản thỏa thuận số công chứng 385 quyền số 01/2021-TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng V2 công chứng ngày 18/10/2021. Nội dung thỏa thuận nêu trên của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện nên có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu khởi kiện tuyên vô hiệu thỏa thuận tài sản của Công ty do các thành viên thỏa thuận góp vốn hiện có gồm: 01 (một) phương tiện thủy nội địa theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 12698/DK do Sở giao thông vận tải tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 02/6/2021 đứng tên chủ phương tiện Công ty TNHH đầu tư xây dựng và vận tải C; 01 (một) xe ô tô BKS 17C-129.xx theo Giấy đăng ký xe số

030488 tên chủ xe Đỗ Hồng T; 01 (một) xe ô tô BKS 17C-059.xx theo Giấy đăng ký xe số 004543 tên chủ xe Đỗ Hồng T; 01 (một) xe ô tô BKS 17C-072.xx theo Giấy đăng ký xe số 008239 tên chủ xe Đỗ Hồng T; 01 (một) xe ô tô BKS 17H-003.xx theo Giấy đăng ký xe số 002536 tên chủ xe Nguyễn Hữu D. Xét thấy:

Một phương tiện thủy nội địa tàu TL 189 số đăng ký QN-79xx được Sở giao thông vận tải Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số: 12698/ĐK ngày 02/6/2021 chủ phương tiện là Công ty TNHH đầu tư xây dựng và vận tải C. Tàu TL đã là tài sản thuộc sở hữu của Công ty TNHH đầu tư xây dựng và vận tải C trước thời điểm các thành viên thỏa thuận góp vốn ngày 18/10/2021.

Một xe ô tô BKS 17C-129.xx theo Giấy đăng ký xe số 030488 tên chủ xe Đỗ Hồng T; 01 (một) xe ô tô BKS 17C-059.xx theo Giấy đăng ký xe số 004543 tên chủ xe Đỗ Hồng T; 01 (một) xe ô tô BKS 17C-072.xx theo Giấy đăng ký xe số 008239 tên chủ xe Đỗ Hồng T; theo anh Đỗ Hồng T khai đây là tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa anh Đỗ Hồng T và chị Lê Thị Hồng L. Chị Lê Thị Hồng L khai xác nhận chị L kết hôn cùng anh Đỗ Hồng T ngày 15/01/2009. Trong thời kỳ hôn nhân, tài sản chung vợ chồng tạo dựng được gồm có: 01 (một) xe ô tô BKS 17C-129.xx, 01 (một) xe ô tô BKS 17C-059.xx, 01 (một) xe ô tô BKS 17C-072.xx, cả 03 xe đều đăng ký tên chủ xe Đỗ Hồng T. Chị L không biết, chưa bao giờ nghe thấy nói 03 chiếc xe ô tô là tài sản chung của vợ chồng chị góp vốn vào Công ty C.

01 (một) xe ô tô BKS 17H-003.xx theo Giấy đăng ký xe số 002536 tên chủ xe Nguyễn Hữu D. Anh Đỗ Hồng T và anh Đào Trọng T1 đều khai xác nhận xe ô tô BKS 17H-003.xx do anh Thụy, anh Trung và anh Nguyễn Hữu D cùng mua chung và thống nhất để anh D đứng tên đăng ký chủ sở hữu xe. Anh Nguyễn Hữu D khai xác nhận tháng 4/2021 anh D cùng anh Trung, anh Thụy thỏa thuận cùng nhau góp vốn mua chung 01 chiếc xe ô tô tải BKS 17H-00375 giá 1.000.000.000 đồng. Trong đó anh D góp tiền mặt 333.000.000 đồng, còn anh Trung và anh Thụy không có tiền mặt nên hai người đã thỏa thuận vay vốn ngân hàng để mua xe dưới hình thức trả góp, hàng tháng trả cho ngân hàng. Đến tháng 12/2021, anh Thụy không chung xe nữa mà chỉ còn có anh D và anh Trung cùng chung xe ô tô trên. Anh D khẳng định chiếc xe ô tô BKS 17H-00375 không liên quan gì đến Công ty vận tải C. Anh D chưa bao giờ thỏa thuận với anh Trung và anh Thụy đưa xe ô tô trên góp vốn vào Công ty C.

Tại khoản 2 Điều 35 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 quy định “Việc định đoạt tài sản chung phải có sự thỏa thuận bằng văn bản của vợ chồng trong những trường hợp sau đây:

- a) Bất động sản;
- b) Động sản mà theo quy định của pháp luật phải đăng ký quyền sở hữu;
- c) Tài sản đang là nguồn tạo ra thu nhập chủ yếu của gia đình”.

Điều 36 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Trong trường hợp vợ chồng có thỏa thuận về việc một bên đưa tài sản chung vào kinh doanh thì người này

có quyền tự mình thực hiện giao dịch liên quan đến tài sản chung đó. Thỏa thuận này phải lập thành văn bản”.

Theo quy định tại các Điều 52, 53, và 54 Luật doanh nghiệp 2014 thì các thành viên công ty chỉ có quyền mua lại phần vốn góp, chuyển nhượng phần vốn góp, tặng cho phần vốn góp; Luật không quy định được cho thuê phần vốn góp.

Do Văn bản thỏa thuận giữa ông Đỗ Hồng T và ông Đào Trọng T1 tại Văn phòng công chứng V2 ngày 18/10/2021, số công chứng 385 Quyền số 01/2021-TP/CC-SCC/HĐGD vi phạm quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, vi phạm Luật Doanh nghiệp năm 2014 như đã nêu trên nên bị vô hiệu theo quy định tại Điều 122 Bộ luật dân sự năm 2015. Yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên vô hiệu Văn bản thỏa thuận giữa ông Đỗ Hồng T và ông Đào Trọng T1 tại Văn phòng công chứng V2 ngày 18/10/2021, là có căn cứ, có cơ sở chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án giải thích về quyền được yêu cầu giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu, nhưng các đương sự đều không yêu cầu giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu, vì vậy không đề cập.

[2.2] Xét yêu cầu độc lập của Công ty TNHH đầu tư xây dựng và vận tải C:

Sau khi thụ lý vụ án, ngày 03/01/2023 ông Đỗ Hồng T với tư cách là nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án triệu tập Công ty TNHH đầu tư xây dựng và vận tải C tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tiếp đến ngày 22/3/2023 Công ty TNHH đầu tư xây dựng và vận tải C – người đại diện theo pháp luật là ông Đỗ Hồng T có đơn yêu cầu độc lập, về việc yêu cầu đòi lại tàu TL mang biển số QN-79xx và yêu cầu ông Đào Trọng T1 phải bồi thường thiệt hại cho Công ty TNHH đầu tư xây dựng và vận tải C tổng số tiền 2.364.000.000 đồng do hành vi chiếm giữ trái phép tài sản của Công ty. Ngày 23/3/2023 Tòa án đã ra thông báo cho Công ty C nộp tiền tạm ứng án phí và thụ lý yêu cầu độc lập của công ty C.

Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy: theo nội dung khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là tranh chấp giữa các thành viên Công ty với nhau, không phải là tranh chấp giữ Công ty với các thành viên Công ty. Việc ngày 03/01/2023, ông Đỗ Hồng T có đơn yêu cầu Tòa án triệu tập Công ty TNHH đầu tư xây dựng và vận tải C tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án; ngày 22/3/2023 Công ty TNHH đầu tư xây dựng và vận tải C có đơn yêu cầu độc lập. Tại phiên tòa người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH đầu tư xây dựng và vận tải C khai xác nhận văn bản thỏa thuận giữa ông Đỗ Hồng T và ông Đào Trọng T1 tại Văn phòng công chứng V2 ngày 18/10/2021, số công chứng 385 quyền số 01/2021-TP/CC-SCC/HĐGD nêu trên xuất phát từ việc các thành viên công ty có chủ trương tăng vốn Điều lệ của Công ty. Nhưng sau khi ký văn bản thỏa thuận, rà soát lại các quy định của pháp luật thấy không hợp lý, nên các thành viên công ty không thực hiện thủ tục tăng vốn Điều lệ, không liên quan

gì đến Công ty; không có sự tranh chấp giữa Công ty với các thành viên công ty liên quan đến văn bản thỏa thuận số công chứng 385 quyền số 01/2021-TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng V2 công chứng ngày 18/10/2021. Vì vậy, ngày 03/4/2023 Tòa án thụ lý bổ sung yêu cầu độc lập của Công ty TNHH đầu tư xây dựng và vận tải C là trái với quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, cần đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của Công ty TNHH đầu tư xây dựng và vận tải C, trả lại đơn yêu cầu độc lập và các tài liệu chứng cứ kèm theo cho Công ty TNHH đầu tư xây dựng và vận tải C. Công ty TNHH đầu tư xây dựng và vận tải C được quyền khởi kiện bằng vụ kiện kinh doanh thương mại khác về tranh chấp giữa Công ty và các thành viên của Công ty theo quy định của pháp luật.

[2.3]. Xét yêu cầu phản tố của bị đơn ông Đào Trọng T1:

Sau khi thụ lý vụ án, ngày 05/6/2023, bị đơn là ông Đào Trọng T1 có đơn yêu cầu phản tố, nội dung đơn: yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận xe ô tô tải BKS 17C-129.xx, xe ô tô tải BKS 17C-059.xx, xe ô tô tải BKS 17C-072.xx là tài sản thuộc sở hữu của Công ty TNHH đầu tư xây dựng và vận tải C; phân chia phần vốn góp và lợi nhuận sau thuế dựa trên tỷ lệ vốn góp trên thực tế của các thành viên Công ty. Ngày 16/6/2023, Tòa án ra Thông báo số 09/2023/TB-TA về việc yêu cầu sửa đổi bổ sung đơn phản tố. Hết thời hạn quy định trong thông báo, ông Đào Trọng T1 không sửa đổi, bổ sung đơn phản tố theo yêu cầu của Tòa án. Ngày 05/7/2023, Tòa án đã ra Thông báo trả lại đơn phản tố số 18/2023/TB-TA cho ông Đào Trọng T1. Thông báo trả lại đơn phản tố số 18/2023/TB-TA đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ cho ông Đào Trọng T1 và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, nhưng đến nay Tòa án không nhận được đơn khiếu nại, kiến nghị về việc trả lại đơn yêu cầu phản tố. Vì vậy ông Đào Trọng T1 được quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

[3]. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện tuyên vô hiệu Văn bản thỏa thuận giữa ông Đỗ Hồng T và ông Đào Trọng T1 tại Văn phòng công chứng V2 ngày 18/10/2021, số công chứng 385 quyền số 01/2021-TP/CC-SCC/HĐGD được chấp nhận, vì vậy ông T không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, bị đơn ông Đào Trọng T1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm không có giá ngạch.

Yêu cầu độc lập của Công ty TNHH đầu tư xây dựng và vận tải C bị đình chỉ theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, nên trả lại cho Công ty TNHH đầu tư xây dựng và vận tải C số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 4 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 147, Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố Tụng dân sự; Điều 117, Điều 123 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 18, Điều

26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Hồng T về yêu cầu tuyên vô hiệu Văn bản thỏa thuận giữa ông Đỗ Hồng T và ông Đào Trọng T1 tại Văn phòng công chứng V2 ngày 18/10/2021, số công chứng 385 quyển số 01/2021-TP/CC-SCC/HĐGD.

Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu, vì vậy không đề cập.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH đầu tư xây dựng và vận tải C đối với yêu cầu ông Đào Trọng T1 phải trả lại phương tiện thủy nội địa tàu TL 189 số đăng ký QN-79xx, và bồi thường thiệt hại cho Công ty TNHH đầu tư xây dựng và vận tải C. Trả lại đơn yêu cầu độc lập và các tài liệu chứng cứ kèm theo cho Công ty TNHH đầu tư xây dựng và vận tải C. Công ty TNHH đầu tư xây dựng và vận tải C được quyền khởi kiện bằng vụ kiện kinh doanh thương mại khác

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Ông Đỗ Hồng T không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho ông T số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0016110 ngày 21/12/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

- Ông Đào Trọng T1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm không có giá ngạch là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

- Trả lại cho Công ty TNHH đầu tư xây dựng và vận tải C 42.640.000đ (Bốn mươi hai triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0016180 ngày 03/4/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hồng Ánh

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Sinh Trần Thị Kim Thủy

Nguyễn Hồng Ánh